

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2013

Kèm theo
BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 03- Ngõ 1295 - Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội
Tel: (043) 9745081/82 Fax: (043) 9745083

Hà Nội, tháng 08 năm 2013

| STT | NỘI DUNG | Trang |
|------------|--|----------------|
| 1 | Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 – 4 |
| 2 | Báo cáo soát xét của Kiểm toán viên | 5 |
| 3 | Báo cáo tài chính đã được soát xét | |
| | <i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i> | 6 – 7 |
| | <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i> | 8 |
| | <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ</i> | 9 |
| | <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ</i> | 10 - 31 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2013.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ Phần số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 8, ngày 08 tháng 07 năm 2013. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty : Số 189 Đình Vũ, P Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Vốn điều lệ của Công ty : 128.700.000.000 đồng
Mệnh giá cổ phần ; 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP- VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết : Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng)
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường sắt
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

**Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát tại ngày lập báo cáo tài chính này gồm;
Các thành viên của Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị vào ngày lập báo cáo này như sau:

| TT | Họ và tên | Chức danh | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------|-----------------------|------------------|--------------------------|----------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Đình Chung | Nguyên CT HĐQT | 23/03/2013 | 20/06/2013 |
| 2 | Ông Bùi Chí Hùng | Chủ tịch HĐQT | 23/03/2013 | 30/03/2018 |
| 3 | Ông Lê Thái Cường | Thành viên HĐQT | 23/03/2013 | 30/03/2018 |
| 4 | Bà Hoàng Thị Ngọc Lan | Thành viên HĐQT | 23/03/2013 | 30/03/2018 |
| 5 | Bà Vũ Thị Phú | Thành viên HĐQT | 23/03/2013 | 30/03/2018 |
| 6 | Ông Nguyễn Mạnh Hải | Thành viên HĐQT | 23/03/2013 | 30/03/2018 |
| 7 | Bà Đào Kim Phương | Thành viên HĐQT | 23/03/2013 | 30/03/2018 |
| 8 | Ông Lê Văn Thanh | Thành viên HĐQT | 20/06/2013 | 30/03/2014 |

Ban Tổng Giám đốc

| | | |
|---|-----------------------|----------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Đình Chung | Nguyên Tổng Giám đốc |
| 2 | Ông Lê Văn Thanh | Tổng Giám đốc |
| 3 | Ông Lê Thái Cường | Phó Tổng Giám đốc |
| 4 | Bà Hoàng Thị Ngọc Lan | Phó Tổng Giám đốc |

Ban Kiểm soát

| | | |
|---|----------------------|----------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Hiệt | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2 | Bà Trần Thị Kim Hồng | Thành viên BKS |
| 3 | Văn Thị Thanh Bình | Thành viên BKS |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Bùi Chí Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tài chính tiếp theo.

Các sự kiện trong năm tài chính

Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2013, Ông Nguyễn Đình Chung thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ông Bùi Chí Hùng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Lê Văn Thanh giữ chức vụ Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2013. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2013

TM. Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Ký tên, đóng dấu)



BÙI CHÍ HÙNG



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn

Website: www.cpahanoi.com



Số: 196 /2013/CPA-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ của Công ty cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính của Công ty cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải được lập ngày 22/07/2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 được trình bày từ trang 10 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ GẤM

Giấy CNDKHN số 1082/2013-016-1

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NGỌC TỈNH

Giấy CNDKHN số 0132/2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

| Tài sản | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 49.278.595.006 | 58.512.605.266 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 3.237.097.500 | 4.914.169.156 |
| 1. Tiền | 111 | V.01 | 3.237.097.500 | 4.914.169.156 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 21.080.784.149 | - |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.02 | 21.080.784.149 | - |
| III. Các khoản phải thu | 130 | | 12.044.369.086 | 42.139.598.486 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.03 | 4.896.446.635 | 2.766.774.932 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.04 | 110.000.000 | 270.132.000 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 138 | V.05 | 7.037.922.451 | 39.102.691.554 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 5.917.096.024 | 7.410.634.953 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.06 | 6.554.476.024 | 7.410.634.953 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | (637.380.000) | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 6.999.248.247 | 4.048.202.671 |
| 1. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 6.999.248.247 | 4.048.202.671 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 144.083.873.194 | 131.767.374.383 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 8.868.844.198 | 9.629.644.696 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.07 | 8.868.844.198 | 9.629.644.696 |
| - Nguyên giá | 222 | | 13.963.286.756 | 14.051.961.306 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (5.094.442.558) | (4.422.316.610) |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 135.150.523.668 | 122.095.120.074 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.08 | 122.095.120.074 | 122.095.120.074 |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 13.055.403.594 | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 64.505.328 | 42.609.613 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.09 | 64.505.328 | 42.609.613 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 193.362.468.200 | 190.279.979.649 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

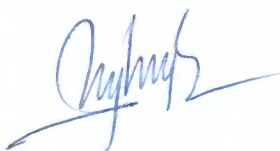
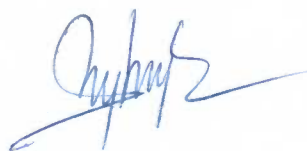
| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 9.820.316.065 | 13.867.714.125 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 9.074.316.065 | 12.731.714.125 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.10 | 4.494.531.180 | 939.163.418 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.11 | 2.133.108.218 | 1.129.052.912 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.12 | 679.386.353 | 679.386.353 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.13 | 226.703.504 | 166.489.718 |
| 5. Phải trả công nhân viên | 315 | | 88.318.595 | 75.020.800 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 144.000.000 | - |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | V.14 | 1.225.950.801 | 9.123.744.343 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 353 | | 82.317.414 | 618.856.581 |
| II. Nợ dài hạn | 320 | | 746.000.000 | 1.136.000.000 |
| 2. Vay và nợ dài hạn | 324 | V.15 | 746.000.000 | 1.136.000.000 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 183.542.152.135 | 176.412.265.524 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.16 | 183.542.152.135 | 176.412.265.524 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 128.700.000.000 | 128.700.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 9.615.359.500 | 9.615.359.500 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (982.776.400) | (982.776.400) |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 225.534.038 | 177.909.956 |
| 5. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 45.984.034.997 | 38.901.772.468 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 193.362.468.200 | 190.279.979.649 |

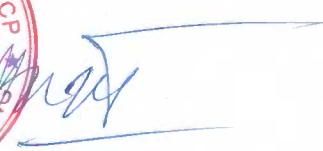
Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thu Thủy

Nguyễn Thu Thủy

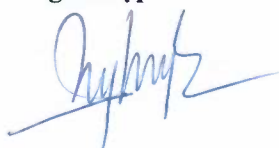
Bùi Chí Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: VNĐ

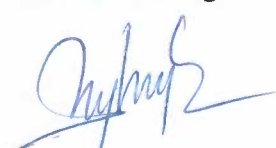
| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2013 | Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2012 |
|---|-------|-------------|--|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.17 | 11.714.737.338 | 10.370.289.419 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 03 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV | 10 | | 11.714.737.338 | 10.370.289.419 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.18 | 10.262.105.909 | 8.433.311.164 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV | 20 | | 1.452.631.429 | 1.936.978.255 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.19 | 14.521.115.525 | 21.701.727.509 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.20 | 467.255.215 | 292.874.057 |
| Trong đó: Lãi vay | 23 | | 467.255.215 | 291.519.771 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 1.296.128.289 | 1.269.456.049 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 14.210.363.450 | 22.076.375.658 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | - | - |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 14.210.363.450 | 22.076.375.658 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.21 | 238.926.181 | 96.475.242 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 13.971.437.269 | 21.979.900.416 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.22 | 1.094 | 1.710 |

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2013

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Chí Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | MS | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2013 | Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2012 |
|--|-----------|-------------|--|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 11.907.349.445 | 10.692.830.229 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 02 | | (13.578.406.629) | (15.018.822.941) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (542.709.306) | (491.739.117) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | | (75.533.271) | (180.414.239) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | | (184.251.833) | (12.262.702) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 33.757.680.174 | 70.285.229.620 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (33.455.176.841) | (58.249.957.018) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (2.171.048.261) | 7.024.863.832 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (11.604.545) | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | VII.28 | (29.229.982.453) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | VII.28 | 20.863.710.728 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VII.28 | 19.323.749.162 | 10.735.361.764 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 10.945.872.892 | 10.735.361.764 |

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: VNĐ

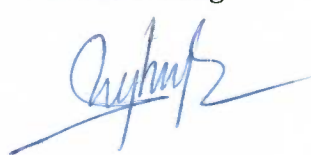
| Chỉ tiêu | MS | Thuyết minh | Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2013 | Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2012 |
|---|-----------|-------------|--|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | (982.776.400) |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 5.005.167.510 | 4.299.945.722 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (8.634.562.772) | (10.133.356.367) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (6.822.501.025) | (10.396.975.709) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (10.451.896.287) | (17.213.162.754) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (1.677.071.656) | 547.062.842 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 4.914.169.156 | 696.462.048 |
| <i>ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</i> | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | | 3.237.097.500 | 1.243.524.890 |

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2013

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Bùi Chí Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2013

I. Thông tin doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 8, ngày 08 tháng 07 năm 2013. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Vốn điều lệ của Công ty: 128.700.000 đồng
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết : Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng)
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường sắt
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP-VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên Sở tại giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2013

Công ty có các Công ty con sau :

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 05 tháng 06 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục thông quan.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2013.

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 30 tháng 05 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 3.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2013.

• **Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 28 tháng 05 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Kinh doanh vận tải đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2013.

• **Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 13 tháng 06 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2013.

• **Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội**

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102805652 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 26 tháng 06 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2013

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm, các dịch vụ vận tải khác. Dịch vụ kho bãi.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2013.

• Công ty TNHH Container Minh Thành

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0200667880 do Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 5 ngày 12 tháng 06 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 24.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Cho thuê kho bãi, nhà hàng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 75,83% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2013.

• Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải

Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201129229 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2011, thay đổi lần thứ 1 ngày 28 tháng 05 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 999.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn, lẻ nước hoa, mỹ phẩm, nhà hàng.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 30/06/2013.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm..

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

III. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“ VND ”), phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5);

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ **Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2013**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2013

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao TSCĐ hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và được ước tính như sau:

| | |
|-----------------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 06 – 10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 – 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 08 năm |

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ giá trị đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, bao gồm:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2013

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính:

Tiền lãi:

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/06/2013

Cổ tức:

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 là 25%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | ĐVT: đồng | |
|---|--|-----------------------|----------------------|
| | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | Tiền mặt | 846.026.639 | 1.313.963.501 |
| | Tiền gửi ngân hàng | 2.391.070.861 | 3.600.205.655 |
| | Cộng | 3.237.097.500 | 4.914.169.156 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | Số cuối kỳ | |
| | | Số đầu năm | |
| | <i>Đầu tư ngắn hạn khác</i> | - | - |
| | Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải (*). | 7.987.636.004 | - |
| | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải (**) | 3.580.000.000 | - |
| | Công ty TNHH Container Minh Thành (***) | 9.513.148.145 | - |
| | Cộng | 21.080.784.149 | - |
| <p>(*). Khoản vay cho Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản cho vay này bằng tín chấp.</p> <p>(**). Khoản vay cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải vay theo Hợp đồng vay vốn số 02/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản cho vay này bằng tín chấp.</p> <p>(***). Khoản vay cho Công ty TNHH Container Minh Thành vay theo Hợp đồng vay vốn số 03/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản cho vay này bằng tín chấp.</p> | | | |
| 3 | Phải thu khách hàng | Số cuối kỳ | |
| | | Số đầu năm | |
| 3,1 | <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 2.384.888.356 | 1.253.472.250 |
| | (Xem phần thuyết minh BCTC, Mục 25) | | |
| 3,2 | <i>Phải thu thương mại</i> | 2.511.558.279 | 1.513.302.682 |
| | Công ty TNHH MTV Tiếp vận & phân phối Phương Đông | 88.762.201 | 124.403.407 |
| | Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải HUB Việt Nam | 16.664.088 | 130.775.923 |
| | Công ty CP PTCN gỗ XK Nam Việt Hoàng | 76.400.000 | 106.400.000 |
| | Công ty TNHH TM và tiếp vận toàn cầu Đông Tài | 122.708.904 | 165.053.720 |
| | CN Công ty TNHH Shipco Transport VN tại Hải Phòng | 151.669.342 | 110.750.783 |
| | Cục Hải Quan Thành phố Hải Phòng | - | 93.741.556 |
| | Các đối tượng khác | 2.055.353.744 | 782.177.293 |
| | Cộng | 4.896.446.635 | 2.766.774.932 |
| 4 | Trả trước cho người bán | Số cuối kỳ | |
| | | Số đầu năm | |
| | Nhà cung cấp dự án Lạch Huyện | 110.000.000 | 110.000.000 |
| | Công ty Kiểm toán và kế toán Hà Nội | - | 100.000.000 |
| | Ông Dò | - | 60.000.000 |
| | CN Công ty CP Đại lý Hàng hải VN-ĐL Hàng Hải HP | - | 132.000 |
| | Cộng | 110.000.000 | 270.132.000 |



| 5 | Các khoản phải thu ngắn hạn khác | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----|---|------------------------|------------------------|
| | Phải thu khác | | |
| 5,1 | Phải thu khác | - | 26.111.756.705 |
| | Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải | - | 3.180.000.000 |
| | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải | - | 1.420.000.000 |
| | Công ty TNHH Container Minh Thành | - | 14.671.148.145 |
| | Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải | - | 588.835.000 |
| | Công ty TNHH MTV Vận tải Đa PT Duyên Hải Hà Nội | - | 6.251.773.560 |
| 5,2 | Phải thu lợi nhuận của các Công ty con | 6.999.639.480 | 12.784.697.414 |
| | Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải | 573.359.977 | 1.346.797.200 |
| | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải | 4.454.065.416 | 5.367.575.900 |
| | Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ | 665.182.565 | 5.171.755.028 |
| | Công ty TNHH Container Minh Thành | 1.293.352.163 | 836.632.398 |
| | Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải | 13.679.359 | 61.936.888 |
| 5,3 | Phải thu đối tượng khác | 38.282.971 | 206.237.435 |
| | Phải thu khác của cán bộ nhân viên | 38.282.971 | 206.237.435 |
| | Cộng | 7.037.922.451 | 39.102.691.554 |
| 6 | Hàng tồn kho | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | Hàng tồn kho | 6.554.476.024 | 7.410.634.953 |
| | Cộng | 6.554.476.024 | 7.410.634.953 |
| | <i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ:</i> | <i>(637.380.000)</i> | - |
| 7 | Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 01) | | |
| 8 | Các khoản đầu tư vào Công ty con | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | - Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải | 14.503.099.339 | 14.503.099.339 |
| | - Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải | 32.867.444.563 | 32.867.444.563 |
| | - Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải | 45.655.576.172 | 45.655.576.172 |
| | - Công ty TNHH MTV VT Đa PT Duyên Hải Hà Nội | 2.520.000.000 | 2.520.000.000 |
| | - Công ty TNHH Container Minh Thành | 25.550.000.000 | 25.550.000.000 |
| | - Công ty TNHH Thời trang mỹ phẩm Duyên Hải | 999.000.000 | 999.000.000 |
| | Cộng | 122.095.120.074 | 122.095.120.074 |
| 9 | Chi phí trả trước dài hạn | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | Công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng | 64.505.329 | 42.609.613 |
| | Cộng | 64.505.329 | 42.609.613 |
| 10 | Vay và nợ ngắn hạn | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | Vay ngắn hạn | | |
| a. | Ngân hàng | - | 939.163.418 |
| | Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN - CN Đông Hải Phòng | - | 939.163.418 |

| | | |
|------------------------------------|----------------------|--------------------|
| <i>b. Đối tượng khác</i> | 4.494.531.180 | - |
| Đặng Hồng Quân (*) | 3.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải(**) | 1.494.531.180 | - |
| Cộng | 4.494.531.180 | 939.163.418 |

(*). Khoản vay của Ông Đặng Hồng Quân theo Hợp đồng vay ngày 05 tháng 02 năm 2013, lãi suất vay 1%/tháng, thời hạn vay dưới 12 tháng.

(**). Khoản vay của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải theo Hợp đồng vay vốn số 01/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Tín chấp.

| 11 Phải trả người bán | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>11.1 Phải trả các bên liên quan</i> | 2.098.336.058 | 1.038.512.539 |
| (Xem phần thuyết minh BCTC, Mục 25) | | |
| <i>11.2 Phải trả thương mại</i> | 34.772.160 | 90.540.373 |
| Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Hoàng Vũ | 16.500.000 | - |
| Công ty TNHH TMDV Giao nhận vận tải Tuấn Khôi | 2.800.000 | - |
| Công ty TNHH Heung A VN tại Hải Phòng | 180.000 | 21.801.113 |
| CN Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng Hoá Đường sắt HP | 15.262.500 | 36.784.000 |
| Công ty TNHH KMTC(VN) - Cn Hải Phòng | 29.660 | - |
| Các đối tượng khác | - | 31.955.260 |
| Cộng | 2.133.108.218 | 1.129.052.912 |

| 12 Người mua trả tiền trước | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Công ty TNHH vận tải Duyên Hải | 657.000.000 | 657.000.000 |
| CN Công ty TNHH Shipco Transport VN tại Hải Phòng | 22.386.353 | 22.386.353 |
| Cộng | 679.386.353 | 679.386.353 |

| 13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 181.693.129 | 127.018.781 |
| Thuế khác | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.514.251 | 360.000 |
| Thuế GTGT đầu ra | 42.496.124 | 39.110.937 |
| Cộng | 226.703.504 | 166.489.718 |

| 14 Các khoản phải trả phải nộp khác | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------|----------------------|
| <i>14.1 Phải trả phải nộp các bên liên quan</i> | 281.554.552 | 8.234.576.767 |
| Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải | 12.070.736 | - |
| Công ty TNHH vận tải Duyên Hải | 35.275.082 | 8.234.576.767 |
| Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải | 47.715.568 | - |
| Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải | 668.263 | - |
| Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ | 171.157.119 | - |
| Công ty TNHH Container Minh Thành | 14.667.784 | - |
| <i>14.2 Phải trả phải nộp khác</i> | 485.923.907 | 430.695.212 |

| | | |
|---|----------------------|----------------------|
| Thuế TNCN, BHXH của CBCNV | 7.288.320 | 9.434.400 |
| Cổ tức phải trả | 439.170.597 | 375.631.197 |
| Công ty CP Greeting Fortune Container Việt Nam | - | 10.000.000 |
| Phải trả phải nộp khác | 39.464.990 | 35.629.615 |
| 14.3 Doanh thu chưa thực hiện | 295.849.189 | 295.849.211 |
| Cục Hải Quan Thành phố Hải Phòng | 295.849.189 | 295.849.211 |
| 14.4 Phải trả phải nộp khác | 162.623.153 | 162.623.153 |
| Hoa hồng khách hàng | 105.811.579 | 105.811.579 |
| Quỹ phát triển nhân lực | 56.811.574 | 56.811.574 |
| Cộng | 1.225.950.801 | 9.123.744.343 |
| 15 Vay và nợ dài hạn | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Vay dài hạn | | |
| Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN- CN Đông HP (*) | 746.000.000 | 1.136.000.000 |
| Cộng | 746.000.000 | 1.136.000.000 |

(*). Theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 66/2009/HĐTD ngày 02/10/2009 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Phòng và Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải. Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay được áp dụng theo từng thời điểm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này là 10 xe Ô tô đầu kéo, rơ moóc nhãn hiệu Hải Âu.

16 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu <Phụ lục số 02>

b. Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn góp của Cổ đông sáng lập | 78.883.000.000 | 80.585.480.000 |
| Vốn góp của CBCNV | 8.380.780.000 | 5.218.600.000 |
| Vốn góp của Cổ đông ngoài | 41.436.220.000 | 42.895.920.000 |
| Cộng | 128.700.000.000 | 128.700.000.000 |

c. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 12.870.000 | 12.870.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 12.770.000 | 12.870.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 12.770.000 | 12.870.000 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu quỹ | 100.000 | 100.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 100.000 | 100.000 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 12.770.000 | 12.770.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 12.770.000 | 12.770.000 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

| | | |
|---|-------------|------------|
| 8. Số thuế phải nộp thêm năm 2012 do xác định lại | | |
| 9. Thuế TNDN phải nộp quý 2 năm 2013(9=6-7+8) | 238.926.181 | 96.475.242 |

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Công ty đã sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--|----------------|-----------------|
| + Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 13.971.437.269 | 21.979.900.416 |
| + Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác | - | - |
| Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| + Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 13.971.437.269 | 21.979.900.416 |
| + Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 12.770.000 | 12.853.333 |
| + Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.094 | 1.710 |

23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí nguyên.liệu.vật liệu | - | 530.708.678 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 743.107.928 | 682.516.255 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.518.997.981 | 7.220.086.231 |
| Cộng | 10.262.105.909 | 8.433.311.164 |

24 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2013

a. Bố trí cơ cấu tài sản:

| | |
|--------------------------------------|-----|
| - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%) | 69% |
| - Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%) | 31% |

b. Tỷ suất sinh lợi:

| | |
|--|------|
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%) | 177% |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%) | 21% |

c. Tình hình tài chính:

| | |
|--|----|
| - Tỷ lệ nợ phải trả /Tổng tài sản | 7% |
| - Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%) | 3% |
| - Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/Tổng vốn chủ sở hữu) | 5% |

25 Nghiệp vụ với các bên liên quan

25.1 Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:

| <u>TT</u> | <u>Tên tổ chức/ Cá nhân</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|-----------|---|--------------------|
| 1 | Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải | Công ty con |
| 2 | Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải | Công ty con |
| 3 | Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải | Công ty con |
| 4 | Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ | Công ty con |
| 5 | Công ty TNHH MTV vận tải Đa PT Duyên Hải Hà Nội | Công ty con |

| | | |
|---|---|-------------|
| 6 | Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải | Công ty con |
| 7 | Công ty TNHH Container Minh Thành | Công ty con |
| 8 | Ông Nguyễn Đình Chung | Cổ đông lớn |

25.2 Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm;

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số tiền (đồng) |
|--|--------------------|-----------------------|
| 25.2.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải | Doanh thu dịch vụ | 1.111.477.386 |
| Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải | Doanh thu dịch vụ | 30.690.309 |
| Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải | Doanh thu dịch vụ | 1.280.151.681 |
| Công ty TNHH Vtải Duyên Hải Phú Thọ | Doanh thu dịch vụ | 256.154.766 |
| Công ty TNHH t/trang mỹ phẩm Duyên Hải | Doanh thu dịch vụ | 2.058.550 |
| Công Ty TNHH Container Minh Thành | Doanh thu dịch vụ | 2.605.242 |
| Cty TNHH MTVVT ĐPT Duyên Hải HÀNỘI | Doanh thu dịch vụ | 4.047.867 |
| Cộng | | 2.687.185.801 |
| 25.2.2 Giá vốn | | |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải | Giá vốn dịch vụ | 4.150.336.016 |
| Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải | Giá vốn dịch vụ | 1.608.130.977 |
| Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải | Giá vốn dịch vụ | 565.505.000 |
| Cộng | | 6.323.971.993 |
| 25.2.3 Tiền chi cho vay | | |
| Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải | Ngắn hạn | 14.294.982.453 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải | Ngắn hạn | 5.550.000.000 |
| Công ty TNHH Container Minh Thành | Ngắn hạn | 2.917.000.000 |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ | Dài hạn | 4.468.000.000 |
| Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN | Dài hạn | 2.000.000.000 |
| Cộng | | 29.229.982.453 |
| 25.2.4 Thu hồi tiền cho vay | | |
| Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải | Ngắn hạn | 10.802.346.449 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải | Ngắn hạn | 3.290.000.000 |
| Công ty TNHH Container Minh Thành | Ngắn hạn | 6.045.000.000 |
| Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN | Dài hạn | 87.529.279 |
| Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải | Ngắn hạn | 638.835.000 |
| Cộng | | 20.863.710.728 |
| 25.2.5 Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| Lãi cho vay | | Số tiền (đồng) |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ | Lãi vay | 133.400.000 |
| Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải | Lãi vay | 233.345.403 |
| Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN | Lãi vay | 294.439.105 |
| Công Ty TNHH Container Minh Thành | Lãi vay | 469.228.148 |
| Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải | Lãi vay | 93.291.111 |



| | | |
|---|---------------------|----------------------------|
| Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải | Lãi vay | 17.053.911 |
| Cộng | | 1.240.757.678 |
| 25.2.6 Lợi nhuận được chia | | SỐ TIỀN (ĐỒNG) |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ | Lợi nhuận được chia | 8.386.698.844 |
| Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải | Lợi nhuận được chia | 561.289.241 |
| Công Ty TNHH Container Minh Thành | Lợi nhuận được chia | 682.051.981 |
| Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải | Lợi nhuận được chia | 2.218.773.948 |
| Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải | Lợi nhuận được chia | 31.074.208 |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải | Lợi nhuận được chia | 1.374.770.505 |
| Cộng | | 13.254.658.727 |
| 25.3 Số dư giao dịch với các bên liên quan | | |
| 25.3.1 -Đầu tư ngắn hạn khác | Mối quan hệ | Tại ngày 30/06/2013 |
| Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải | Công ty con | 7.987.636.004 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải | Công ty con | 3.580.000.000 |
| Công ty TNHH Container Minh Thành | Công ty con | 9.513.148.145 |
| Cộng | | 21.080.784.149 |
| 25.3.2 -Các khoản phải thu | | Tại ngày 30/06/2013 |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ | Công ty con | 136.338.600 |
| Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải | Công ty con | 682.145.403 |
| Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN | Công ty con | 294.439.105 |
| Công Ty TNHH Container Minh Thành | Công ty con | 469.228.148 |
| Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải | Công ty con | 96.091.111 |
| Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải | Công ty con | 706.645.989 |
| Cộng | | 2.384.888.356 |
| 25.3.3 -Các khoản phải thu khác | | Tại ngày 30/06/2013 |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ | Công ty con | 665.182.565 |
| Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải | Công ty con | 573.359.977 |
| Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải | Công ty con | 4.454.065.416 |
| Công ty TNHH Container Minh Thành | Công ty con | 1.293.352.163 |
| Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải | Công ty con | 13.679.359 |
| Cộng | | 6.999.639.480 |
| 25.3.4 - Đầu tư dài hạn khác | | Tại ngày 30/06/2013 |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ | Công ty con | 4.468.000.000 |
| Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN | Công ty con | 8.587.403.594 |
| Cộng | | 13.055.403.594 |
| 25.3.5 - Phải trả người bán | | Tại ngày 30/06/2013 |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải | Công ty con | 1.736.870.807 |
| Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải | Công ty con | 241.367.251 |

| | | |
|--|-------------|---------------------------------------|
| Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải <i>Cộng</i> | Công ty con | 1 20.098.000 <i>2.098.336.058</i> |
| 25.3.6 -Người mua trả tiền trước | | <u>Tại ngày 30/06/2013</u> |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải <i>Cộng</i> | Công ty con | 657.000.000 <i>657.000.000</i> |
| 25.3.7 - Vay dài hạn | | <u>Tại ngày 30/06/2013</u> |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải <i>Cộng</i> | Công ty con | 1.494.531.180 <i>1.494.531.180</i> |
| 25.3.8 Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc | | <u>6 tháng năm 2013</u> |
| Thủ lao, thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc | | 341.951.530 |

26 Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tài sản đảm bảo (Xem tại Mục 10 và Mục 15, phần Thuyết minh).

27 Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính)

Công ty chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

| | <i>Đơn vị tính: đồng</i> | |
|---|---|-----------------|
| | Giá trị ghi sổ tại ngày 30/06/2013 | |
| | Nguyên giá | Dự phòng |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.237.097.500 | - |
| Đầu tư ngắn hạn khác | 21.080.784.149 | - |
| Phải thu khách hàng | 4.896.446.635 | - |
| Phải thu khác | 7.037.922.451 | - |
| Tài sản tài chính dài hạn | 13.055.403.594 | - |
| Cộng | 36.252.250.735 | - |
| Giá trị ghi sổ tại ngày 30/06/2013 | | |
| | Nguyên giá | Dự phòng |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Ngắn hạn | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | 4.494.531.180,00 | - |
| Phải trả người bán | 2.133.108.218 | - |
| Các khoản phải trả phải nộp khác | 1.225.950.801 | - |
| Dài hạn | | |
| Vay và nợ dài hạn | 746.000.000 | - |
| Cộng | 10.416.371.705 | - |

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (Đơn vị tính: đồng)

28 Một số thông tin bổ sung trên báo cáo LCTT

a. Cổ tức, lợi nhuận được chia

| | <u>Số tiền</u> |
|---|-----------------------|
| <i>Lãi tiền gửi</i> | 20.699.120 |
| <i>Lợi nhuận được chia từ các công ty con</i> | |
| Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải | 1.346.797.200 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải | 3.180.000.000 |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ | 13.064.428.426 |
| Công ty TNHH Container Minh Thành | 240.000.000 |
| Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải | 80.000.000 |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải | 1.374.770.505 |
| <i>Lãi cho vay</i> | 17.053.911 |
| Cộng | 19.323.749.162 |

b. Tiền chi cho vay

| | <u>Kỳ này</u> |
|---|-----------------------|
| Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải | 14.294.982.453 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải | 5.550.000.000 |
| Công ty TNHH Container Minh Thành | 2.917.000.000 |
| Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ | 4.468.000.000 |
| Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN | 2.000.000.000 |
| Cộng | 29.229.982.453 |

c. Thu hồi tiền cho vay

| | <u>Kỳ này</u> |
|---|-----------------------|
| Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải | 10.802.346.449 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải | 3.290.000.000 |
| Công ty TNHH Container Minh Thành | 6.045.000.000 |
| Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải HN | 87.529.279 |
| Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải | 638.835.000 |
| Cộng | 20.863.710.728 |

VIII Thông tin khác

28 Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2012 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

29 Thông tin về tính hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

30 Thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do sự áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo các cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Người lập

Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2013

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Chí Hùng

PHỤ LỤC 01

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: Đồng

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | PTVT - truyền dẫn | Thiết bị quản lý | Tổng cộng |
|-----------------------------------|------------------------|------------------|-------------------|------------------|----------------|
| Nguyên giá tài sản cố định | | | | | |
| Số dư đầu năm | | 31.348.182 | 13.847.373.207 | 173.239.917 | 14.051.961.306 |
| - Mua trong kỳ | | | | | - |
| - XDCB hoàn thành | | - | - | - | - |
| - Tăng khác | - | | | | - |
| - Chuyển sang BĐS đầu tư | - | | | | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | | | | 88.674.550 | 88.674.550 |
| - Giảm khác | - | | | | - |
| Số dư cuối kỳ | - | 31.348.182 | 13.847.373.207 | 84.565.367 | 13.963.286.756 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | | 4.353.914 | 4.321.013.452 | 96.949.244 | 4.422.316.610 |
| - Khấu hao trong kỳ | | 5.224.697 | 711.887.967 | 17.090.176 | 734.202.840 |
| - Tăng khác | - | | | | - |
| - Chuyển sang BĐS đầu tư | | | | | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | | | | 62.076.892 | 62.076.892 |
| - Giảm khác | - | | | | - |
| Số dư cuối kỳ | - | 9.578.611 | 5.032.901.419 | 51.962.528 | 5.094.442.558 |
| Giá trị còn lại của TSCĐ | | | | | |
| - Tại ngày đầu năm | - | 26.994.268 | 9.526.359.755 | 76.290.673 | 9.629.644.696 |
| - Tại ngày cuối kỳ | - | 21.769.571 | 8.814.471.788 | 32.602.839 | 8.868.844.198 |

PHỤ LỤC 02:

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: Đồng

| Nội dung | Vốn đầu tư chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ dự phòng tài chính | Cổ phiếu Quỹ | LN sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|--------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|----------------------------|------------------------|
| 1. Số dư đầu năm trước | 128,700,000,000 | 9,615,359,500 | 177,909,956 | | 16,632,547,231 | 155,125,816,687 |
| Tăng vốn trong năm trước | | | | | | - |
| Lãi trong năm trước | | | | | 37,204,290,118 | 37,204,290,118 |
| Tăng khác | | | | | - | - |
| Giảm vốn trong năm trước | | | | | - | - |
| Lỗ trong năm trước | | | | | - | - |
| Giảm khác | | | | 982,776,400 | 14,935,064,881 | 15,917,841,281 |
| | | | | | | - |
| 2. Số dư cuối năm trước | 128,700,000,000 | 9,615,359,500 | 177,909,956 | (982,776,400) | 38,901,772,468 | 176,412,265,524 |
| 3. Số dư đầu năm nay | 128,700,000,000 | 9,615,359,500 | 177,909,956 | (982,776,400) | 38,901,772,468 | 176,412,265,524 |
| Tăng vốn trong kỳ này | | | | | | - |
| Lãi trong kỳ | | | | | 13,971,437,269 | 13,971,437,269 |
| Tăng khác | | | 47,624,082 | | | 47,624,082 |
| Giảm vốn trong kỳ này | | | | | | - |
| Lỗ trong kỳ | | | | | | - |
| Giảm khác | | | | | 6,889,174,740 | 6,889,174,740 |
| | | | | | | - |
| 4. Số dư cuối kỳ | 128,700,000,000 | 9,615,359,500 | 225,534,038 | (982,776,400) | 45,984,034,997 | 183,542,152,135 |

(Bản Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính)